

KẾ HOẠCH
Hoạt động cải thiện dinh dưỡng năm 2025
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Công văn số 3617/BYT-BM-TE ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ Y tế về việc đề xuất nội dung hoạt động và kinh phí năm 2025 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Công văn số 6198/VP-KGVX ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc chỉ đạo đề xuất nội dung hoạt động và kinh phí năm 2025 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Sở Y tế tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện các năm và xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 thực hiện nhiệm vụ “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng;

- Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang được thành lập theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Trưởng ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo;

- Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2023;

- Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân công thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2023;

- Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về Hoạt động Tiểu dự án 2 của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 “Cải thiện dinh dưỡng” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 27/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Điều chỉnh Phần III Mục B Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 526/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị.

*** Năm 2024:**

- Nguồn kinh phí cấp: 7.921.000.000 đồng.

+ Trung ương: 6.894.000.000 đồng.

+ Địa phương: 1.027.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá Chương trình: 2.481.000.000 đồng.
 - + Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng: 5.440.000.000 đồng,
- trong đó:

1. Ngân sách trung ương

- Kết quả phân bổ: 6.894.000.000 đồng.
- Thực cấp: 6.894.000.000 đồng.
- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm: 300.025.500 đồng, đạt 4,35%.
- Khả năng thực hiện 9 tháng năm 2024: 4.293.000.000 đồng, đạt 62,27%.
- Ước thực hiện cả năm: 6.894.000.000 đồng, đạt 100%.

2. Ngân sách địa phương

- Kết quả phân bổ: 1.027.000.000 đồng.
- Thực cấp: 1.027.000.000 đồng.
- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm: 0 đồng, đạt 0,0%.
- Khả năng thực hiện 9 tháng năm 2024: 600.326.000 đồng, đạt 58,45%.
- Ước thực hiện cả năm: 1.027.000.000 đồng, đạt 100%.

3. Huy động khác

- Kết quả phân bổ: 0 đồng
- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm: 0 đồng
- Khả năng thực hiện 9 tháng: 0 đồng
- Ước thực hiện cả năm: 0 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ đang sinh sống trên địa bàn 3 xã đặc biệt khó khăn (ĐBK) vùng bãi ngang ven biển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn 3 xã ĐBK.

a) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn huyện Hòn Đất, xã Minh Thuận, xã An Minh Bắc huyện U Minh Thượng: Giảm 2% so với năm 2023.

b) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn huyện Hòn đất, xã Minh Thuận, xã An Minh Bắc huyện U Minh Thượng: Giảm 1% so với năm 2023.

c) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ học đường từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc: Giảm 2% so với năm 2023.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc.

a) Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong tỉnh được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

b) Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

3. Nhiệm vụ cụ thể

- Điều tra đánh giá kiến thức bà mẹ có con nhỏ từ 6 -23 tháng tuổi và người chăm sóc trẻ sinh sống trên địa bàn xã An Minh Bắc, xã Minh Thuận thuộc huyện U Minh Thượng và xã Thổ Sơn huyện Hòn Đất về ăn bổ sung đúng đủ.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong cộng đồng qua các phương tiện thông tin đại chúng, các chiến dịch truyền thông và truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng.

- Theo dõi chặt chẽ tăng trưởng trẻ em và phục hồi suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng nặng.

- Dự phòng ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp.

- Trẻ dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi được can thiệp hỗ trợ, theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cấp tính trên địa bàn toàn tỉnh.

IV. Kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 - Cải thiện dinh dưỡng (thuộc dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng)

Thực hiện công tác thường xuyên của Chương trình

Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, lợi ích của bổ sung viên sắt/đa vi chất cho phụ nữ mang thai, cho trẻ bú sớm trong vòng 01 giờ đầu sau sinh, bú hoàn toàn trong sáu tháng đầu, bú kéo dài 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn, cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đa dạng và phù hợp với nhóm tuổi...). Việc cung cấp dịch vụ tư vấn được tổ chức độc lập hoặc lồng ghép vào các thời điểm khám thai và tiêm chủng, cụ thể như sau:

- Trên 90% phụ nữ mang thai (PNMT) được tư vấn dinh dưỡng như: chế độ dinh dưỡng hợp lý khi mang thai, chế độ nghỉ ngơi, bổ sung viên sắt, viên đa vi chất phòng, chống thiếu máu thiếu sắt. Việc tư vấn cho phụ thực hiện tại trạm y tế do cán bộ y tế xã thực hiện trong các đợt khám thai định kỳ;

- Hoạt động bổ sung đa vi chất cho PNMT năm 2024, từ tháng 6 thực hiện bổ sung đa vi chất tại 03 xã ĐBKK của 02 huyện của tỉnh (U Minh Thượng, Hòn Đất) nguồn do trung ương cấp. 15/15 huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch mua viên đa vi chất cấp cho PNMT thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo theo quy định, tuy nhiên quá trình mua sắm phụ thuộc vào kết quả đấu thầu;

- Trên 60% bà mẹ có con dưới 2 tuổi được tham gia các lớp, buổi thực hành dinh dưỡng hợp lý cho trẻ. Trên 60% bà mẹ có con < 5 tuổi được cung cấp kiến thức dinh dưỡng hợp lý và chăm sóc trẻ. Việc tư vấn dinh dưỡng chủ yếu theo phương thức thức truyền thông, nói chuyện trực tiếp với các bà mẹ có con bị suy dinh dưỡng và tập chung chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời;

- Bổ sung Vitamin A liều cao cho trẻ từ 6 - 35 tháng tuổi đợt 1 năm 2024, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp với nguồn Vitamin A do Viện Dinh dưỡng quốc gia cấp, kết quả triển khai bổ sung đạt 99% (64.623/65.307).

- Việc cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng - 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ (bột đa vi chất, sữa dinh dưỡng...) và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chung, về cơ bản các huyện, thành phố đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch và đang tiến hành các thủ tục mua sắm đấu thầu các sản phẩm dinh dưỡng theo quy định.

- Kết quả tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 đến dưới 16 tuổi):

- Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng: Chưa thực hiện, dự kiến vào tháng 10/2024.

- Số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: Chưa triển khai thực hiện được do chưa mua được thuốc.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt làm được

- Được sự quan tâm của chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, bước đầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền

vững có thuận lợi, cơ chế quản lý, điều hành Chương trình cụ thể, rõ ràng, kinh phí Chương trình được quản lý chặt chẽ và cụ thể để triển khai thực hiện;

- Cán bộ thực hiện dự án tại các đơn vị luôn nhiệt huyết, có trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện chương trình;

- Công tác tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân, tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ trong Nhân dân về mục đích, ý nghĩa của công tác giảm nghèo bền vững;

- Thực hiện kịp thời, đồng bộ các chính sách an sinh xã hội và các chương trình, dự án hỗ trợ đối với vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo; tăng cường nguồn lực đầu tư của địa phương, huy động toàn xã hội tham gia giúp vùng nghèo, người nghèo và được đồng đảo người dân ủng hộ;

- Hoạt động can thiệp dinh dưỡng trên các đối tượng bị suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ 6 - 59 tháng tuổi và trẻ bị suy dinh dưỡng 5 - 16 tuổi, góp phần cải thiện nâng cao sức đề kháng, phòng chống bệnh tật cho các đối tượng thụ hưởng.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Năm 2024 hầu hết các huyện, thành phố đã được phân bổ kinh phí, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn trong hướng dẫn thanh quyết toán và mua sắm đấu thầu, như việc mua sắm các sản phẩm dinh dưỡng như viên sắt/đa vi chất/bột vi chất còn gặp rất nhiều khó khăn, hiện nay đa số các huyện chưa mua sắm được viên sắt/đa vi chất/bột vi chất để bổ sung cho các đối tượng trong dự án.

- Đối tượng thụ hưởng của Chương trình thuộc hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo thường phải theo cha mẹ đi làm ăn xa do đó khó khăn trong quá trình theo dõi và quản lý.

- Các chỉ tiêu hoạt động của chương trình chưa có chỉ số đầu vào, cần phải tổ chức đánh giá lại;

- Cán bộ thực hiện chương trình còn mới, chưa được tập huấn hướng dẫn triển khai chương trình nên còn lúng túng trong triển khai thực hiện Dự án;

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2025

- Qua thực tiễn triển khai Chương trình MTQG GNBV nhận thấy hiện nay mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng cấp huyện, xã chưa được đào tạo một cách có hệ thống cơ bản về dinh dưỡng, cán bộ phụ trách chương trình dinh dưỡng hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ; đội ngũ cộng tác viên dinh dưỡng là người thực hiện nhiều hoạt động trực tiếp với các đối tượng tại cộng đồng thiếu kiến thức và kỹ năng truyền thông, thiếu sự nhiệt huyết, năng động trong công tác do nguồn phụ cấp còn hạn chế.

- Nhận thức, thực hành dinh dưỡng chưa hợp lý còn phổ biến ở các bà mẹ và các thành viên trong gia đình; đặc biệt là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu

số; việc thực hiện vệ sinh, an toàn thực phẩm ở nhiều nơi còn chưa tốt đã ảnh hưởng đến chất lượng dinh dưỡng của người dân; kinh tế của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn còn thiếu thốn do vậy ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc trẻ.

- Tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em có sự khác biệt giữa vùng thành thị với vùng núi, vùng ĐBKK vẫn còn cao và phụ thuộc vào giải pháp can thiệp cụ thể của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn tới (bao gồm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi). Việc tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện, xã ĐBKK là hết sức cần thiết nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi, hướng tới phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất, trí tuệ, tăng cường sức khỏe cho người dân.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ đang sinh sống trên địa bàn 3 xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn 3 xã ĐBKK.

a) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn huyện Hòn Đất, xã Minh Thuận, xã An Minh Bắc huyện U Minh Thượng: Giảm 2% so với năm 2024.

b) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn huyện Hòn đất, xã Minh thuận, xã An Minh Bắc huyện U Minh Thượng: Giảm 1% so với năm 2024.

c) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ học đường từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc: Giảm 2% so với năm 2024.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên toàn tỉnh; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc.

a) Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong tỉnh được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

b) Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

3. Kết quả chủ yếu

- Điều tra đánh giá kiến thức bà mẹ có con nhỏ từ 6 -23 tháng tuổi và người chăm sóc trẻ sinh sống trên địa bàn xã An Minh Bắc, xã Minh Thuận thuộc huyện U Minh Thượng và xã Thổ Sơn huyện Hòn Đất về ăn bổ sung đúng đủ.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong cộng đồng qua các phương tiện thông tin đại chúng, các chiến dịch truyền thông và truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng.

- Theo dõi chặt chẽ tăng trưởng trẻ em và phục hồi suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng nặng.

- Trẻ dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi được can thiệp hỗ trợ, theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc xã Thổ Sơn, xã Minh Thuận và xã An Minh Bắc.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cấp tính trên địa bàn toàn tỉnh.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2-Cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

1.1 Mục tiêu

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ đang sinh sống trên địa bàn 3 xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển.

1.2 Đối tượng

Trẻ dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em đang sinh sống trên địa bàn xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển.

Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế trên địa bàn xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển.

1.3 Nội dung hoạt động

Hỗ trợ tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển; Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường

và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ; chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

Hoạt động 1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi

- Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho PNMT và trẻ em dưới 2 tuổi theo định kỳ tương ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi định kỳ 3 tháng/lần, trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi hàng tháng.

- Tư vấn dinh dưỡng cho PNMT, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.

Hoạt động 2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng

- Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6 - 35 tháng tuổi.
- Bổ sung đa vi chất cho trẻ 6 - 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi.
- Bổ sung đa vi chất cho trẻ em từ 5 - 16 tuổi bị suy dinh dưỡng.
- Bổ sung sắt cho trẻ em gái vị thành niên.
- Bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai.

Hoạt động 3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng. Đối tượng trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

Hoạt động 4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai. Số lượng cấp phát: trẻ em 2 - dưới 6 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm.

Hoạt động 5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em. Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: theo nhu cầu thực tế của từng địa phương.

Hoạt động 6. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế cấp xã/phường/thị trấn, ấp/khu phố/thôn/bản.

Hoạt động 7. Tổ chức thực hiện bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh.

Hoạt động 8. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học.

Hoạt động 9. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch.

Hoạt động 10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho các cơ sở y tế và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh

dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng.

Hoạt động 11. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

Hoạt động 12. Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

Hoạt động 13. Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

Hoạt động 14. Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 - 16 tuổi.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng (Thực hiện theo Tiểu dự án 2: Truyền thông giảm nghèo đa chiều thuộc Dự án 6)

- Thực hiện biên tập và phát hành các nội dung tuyên truyền tại cộng đồng cho các đối tượng thuộc chương trình;

- Hướng dẫn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện/xã/thôn/bản;

- Tổ chức lồng ghép các buổi nói chuyện, tư vấn về dinh dưỡng tại thôn/bản trong Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng,...

3. Hoạt động về theo dõi, đánh giá, hướng dẫn chuyên môn (Thực hiện theo Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thuộc dự án 7)

- Tổ chức theo dõi, đánh giá, hướng dẫn chuyên môn cho tuyến dưới về các hoạt động của dự án theo kế hoạch;

- Hàng năm theo dõi, báo cáo nguồn vốn được tiếp nhận, huy động và sử dụng cho chương trình.

*** Đối với vốn và nguồn vốn:**

1. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Dự án 3: Hỗ trợ dinh dưỡng: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng); Trong đó:

- + Kinh phí Trung ương: 5.200.000.000 đồng.

- + Kinh phí địa phương: 800.000.000 đồng.

2. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- + Kinh phí địa phương: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng).

3. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Kinh phí địa phương: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng).

*** Tổng kinh phí đề xuất cấp năm 2025: (1)+(2)+(3)= 6.800.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm triệu đồng), trong đó:

+ Kinh phí trung ương: 5.200.000.000 đồng

+ Kinh phí địa phương: 1.600.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

IV. Giải pháp chủ yếu

Tiếp tục tập trung chỉ đạo để thực hiện chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể gầy còm ở trẻ dưới 5 tuổi là một chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt tại những xã nghèo của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ em.

Phát huy công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng. Lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình hoạt động thường xuyên của các ngành, đoàn thể, các chương trình, dự án. Có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, Nhân dân và các doanh nghiệp tham gia thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3 Chương trình MTQG GNBV ở các năm tới:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng đến các cấp, các ngành và người dân.

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ “Cải thiện dinh dưỡng” nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Báo cáo kịp thời kết quả thực hiện về cơ quan chủ Chương trình để tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh...

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung hoạt động của Dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo các đối tượng được thụ hưởng theo đúng tinh thần kế hoạch đề ra;

- Tổng kết, sơ kết: chủ động tham mưu thực hiện công tác sơ kết, tổng kết Chương trình theo kế hoạch đề ra;

- Báo cáo định kỳ, đột xuất: thực hiện báo cáo các hoạt động của Chương trình theo đúng quy định.

- Có chế độ đãi ngộ cho cán bộ phụ trách chương trình tỉnh, huyện, xã và cộng tác viên.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 tỉnh Kiên Giang.

- Theo dõi, quản lý và phân bổ nguồn kinh phí triển khai thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” theo thẩm quyền được giao đúng quy định.

2. Phòng Nghiệp vụ Y, dược, Sở Y tế

Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng theo lĩnh vực được phân công.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Sở Y tế xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung hoạt động Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Dự án 3 chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung tổ chức thực hiện một số nội dung: Hướng dẫn Trung tâm Y tế các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 triển khai thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng, thuộc Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tập huấn cho mạng lưới cán bộ Y tế cơ sở về phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0 -16 tuổi; giám sát đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ 0 - 16 tuổi.

- Phối hợp giữa ngành Giáo dục lập kế hoạch tập huấn cho cán bộ, giáo viên, y tế trường học, cán bộ phụ trách bếp ăn học đường về công tác tổ chức bữa ăn học.

- Tham mưu Sở Y tế, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện giám sát, đánh giá các nội dung hoạt động của Chương trình; thực hiện giám sát, hỗ trợ, đánh giá định kỳ 2 lần/năm hoặc đột xuất.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung hoạt động thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách.

4. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phân bổ kinh phí triển khai hoạt động Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Dự án 3 chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn theo quy định.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị, ban ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động tại kế hoạch này; trong đó tập trung tổ chức thực hiện một số nội dung sau: Cải thiện tình trạng

thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; hằng năm dự kiến tổng hợp số liệu đối tượng thiếu vi chất dinh dưỡng, lập dự trù kinh phí để mua viên đa vi chất, các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng (viên sắt, kẽm, sản phẩm dinh dưỡng...), thuốc tẩy giun, theo các quy định hiện hành;

- Tổ chức theo dõi, đánh giá, hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật cho các Trạm Y tế xã. Báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu, khả năng thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2024; Kế hoạch hoạt động và kinh phí năm 2025 thực hiện nhiệm vụ “Cải thiện dinh dưỡng” của Sở Y tế. Nhận được Kế hoạch yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung đề ra. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Y tế (qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe BM-TE);
- Viện Dinh Dưỡng;
- UBND tỉnh (để b/c);
- TTKSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, TP;
- SYT: KHTC, NVYD
- Trang VPĐT;
- Lưu: VT, NVYD, mtchi, “HT”.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chung Tấn Thịnh

Phụ lục 1
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024
(Đính kèm Kế hoạch số 2322/KH-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương				
		Kế hoạch vốn năm 2024		Kết quả giải ngân vốn SN năm 2024		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Tổng cộng		7,921,000,000	300,025,500	6,093,000,000	7,921,000,000
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		5,440,000,000	300,025,500	4,293,000,000	5,440,000,000
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		5,440,000,000	300,025,500	4,293,000,000	5,440,000,000
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		-	-	-	-
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo					
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình		2,481,000,000	0	1,800,000,000	2,481,000,000
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		-	-	-	-
7.2	Tiểu Dự án 2: Giám sát, đánh giá		2,481,000,000	0	1,800,000,000	2,481,000,000

Phụ lục 2
ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
(Đính kèm Kế hoạch số 2322/KH-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác		
		Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng									
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp									
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	5,200,000,000		5,200,000,000	800.000.000		800,000,000	0	0	0
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				400.000.000					
6.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin									
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều									
7	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình				400.000.000					
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình				200.000.000					
7.2	Tiểu Dự án 2: Giám sát, đánh giá				200.000.000					